

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 09-11-2018

V/v tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Phương Lan** ;
2. Ông **Nguyễn Văn Kiện**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lý Văn Toán** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 09 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 212/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2018/QĐXX-ST ngày 08 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Lý Cẩm L**, sinh năm 1973 (Có mặt)

Địa chỉ : ấp Bình H, xã Minh H, huyện Châu Th, tỉnh Kiên G.

Bị đơn: Anh **Lê Văn L**, sinh năm 1969 (Vắng mặt)

Địa chỉ : ấp Bình H, xã Minh H, huyện Châu Th, tỉnh Kiên G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 19-7-2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lý Cẩm L trình bày: Nguyên vào năm 1994 tôi và anh Lê Văn L có tổ chức lễ cưới chung sống cùng nhau, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Qua thời gian chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng thời gian về sau vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh L uống rượu thường xuyên rồi kiện chuyện gây rối, hành hung tôi, tôi đã cố chịu đựng nhưng anh L vẫn

không thay đổi. Lúc anh L bị tai nạn giao thông tôi đã cố chạy sửa tổn kém rất nhiều, nhưng vừa mới bớt bệnh thì anh lại uống rượu rồi trở lại kiếm chuyện và đánh tôi.

Tôi nhận thấy không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống cùng anh L được nữa, nên tôi quyết định ly hôn với anh Lê Văn L.

Quá trình chung sống chúng tôi có chung với nhau 02 con : Lê Minh L, sinh năm 1995 và Lê Nhựt L, sinh năm 1997, hiện nay các con đã trưởng thành sống với ai người đó nuôi, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung : Tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung : Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay bà Lý Cẩm L có yêu cầu:

- Về hôn nhân : Xin được ly hôn với anh Lê Văn

Về con chung : Các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung : Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại bản tự khai ngày 13 tháng 8 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lê Văn Lý trình bày:* Anh L thống nhất với lời trình bày của chị L về quan hệ hôn nhân cũng như mâu thuẫn, về con chung, về tài sản chung và nợ chung chị L trình bày là đúng.

Tại phiên tòa hôm nay anh Lê Văn L vắng mặt nhưng tại bản tự khai ngày 13-8-2018 (bút lục:17), các biên bản hòa giải ngày 23-8-2018 và ngày 08-10-2018 (bút lục: 24,25,26; 33,34,35) anh L có yêu cầu:

- Về hôn nhân: Không đồng ý ly hôn – vì tôi vẫn còn thương vợ.

- Về con chung: Các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung : Có một số tài sản chung, hai bên tự thỏa thuận với nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã đọc thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lý Cẩm L có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Th, tỉnh Kiên Giang giải quyết vụ kiện tranh chấp xin ly hôn giữa chị và anh Lê Văn L. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39,

luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện Châu Th, tỉnh Kiên G.

Anh Lê Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đúng theo quy định của pháp luật, nhưng anh Lê Văn L vắng mặt, tại phiên tòa nguyên đơn thống nhất xét xử vắng mặt bị đơn - Do đó Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt anh Lê Văn L là hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Cẩm L và anh Lê Văn L đều xác nhận anh chị chung sống với nhau từ năm 1994, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng thời gian sau thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn : Do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống hàng ngày, nên thường xảy ra cãi vã với nhau. Năm 2017 chị L đã làm đơn khởi kiện xin ly hôn với anh L tại Tòa án. Trong quá trình giải quyết vụ kiện tại Tòa án anh L đã cam kết bỏ rượu và không chửi vợ nữa, nên chị L đã rút đơn ly hôn và vợ chồng hàng ngày chung sống lại với nhau.

Đến tháng 07 năm 2018 giữa chị L và anh L lại tiếp tục phát sinh mâu thuẫn và chị Loan tiếp tục khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh L.

Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ chung sống giữa chị L và anh L sống với nhau từ năm 1994, nhưng không đăng ký kết hôn nên giữa chị L và anh L không phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng. Bởi theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “ ***1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này***”.

Do đó, mối quan hệ giữa chị L và anh L không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

[3] Về quan hệ con chung: Chị L và anh L đều xác nhận, trong thời gian chung sống giữa anh chị có với nhau 02 con chung tên : Lê Minh L, sinh năm 1995 và Lê Nhựt L, sinh năm 1997, hiện nay các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Căn cứ vào lời khai của chị L và anh L trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị L và anh L đều xác nhận trong quá trình chung sống anh chị có một số tài sản chung, nhưng tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét, nếu sau này anh chị có tranh chấp và có yêu cầu Tòa án giải quyết thì sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị L và anh L đều xác nhận anh chị không có nợ ai và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Lý Cẩm L là nguyên đơn do đó phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, nhưng chị L được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006568, ngày 23-7-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Th, tỉnh Kiên G.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, 15, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lý Cẩm L và anh Lê Văn L.

2. Về nuôi con chung: Chị Lý Cẩm L và anh Lê Văn L đều xác định các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Lý Cẩm L và anh Lê Văn L đều xác định tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Lý Cẩm L và anh Lê Văn L đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí :Chị Lý Cẩm L phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số: 0006568, ngày 23-7-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Th, tỉnh Kiên G.

“ Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

6. Chị Lý Cẩm L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Văn L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang
- Viện kiểm sát huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẦN PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thúy Hằng

